

Số: **3684/QĐ-UBND**

Quảng Trị, ngày **29** tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu
Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai,
ổn định đời sống dân cư năm 2017**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11, ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 của TTCP phê duyệt Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2276/QĐ-BTC ngày 03/11/2017 của Bộ Tài chính về việc bổ sung dự toán chi Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư năm 2017;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4074/TTr-STC ngày 26/12/2017/2017 và đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 283/TTr-SNN ngày 27/11/2017 và số 1802/SNN-PTNT ngày 19/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp Trung ương bổ sung có mục tiêu năm 2017: 4.911.800.000 đồng (*Bốn tỷ, chín trăm mười một triệu, tám trăm nghìn đồng*) cho Chi cục Phát triển nông thôn thực hiện chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư năm 2017 (*Chi tiết theo biểu đính kèm*).

Điều 2. Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chi tiết thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và đầu tư; Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Đ*

Nơi nhận:

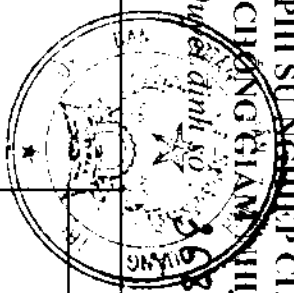
- Như Điều 3;
- PCT Hà Sỹ Đồng;
- Lưu: VT, NNp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

The image shows a circular official seal of the Provincial People's Committee. The seal features a five-pointed star in the center, surrounded by the text 'HÀNG TRẠI' at the top and 'HÀNG TRẠI' at the bottom. The seal is partially obscured by a large, stylized handwritten signature in black ink.

Nguyễn Đức Chính

**PHÂN BỐ KINH PHÍ SỬ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TÀI CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP,
PHÒNG CHỐNG GIÀM MẶC THIÊN TAI VÀ ỒN DỊNH ĐỚI SÔNG DÂN CƯ NĂM 2017**
(Kèm Quyết định số **3684** /QĐ-UBND ngày **29** /12/2017 của UBND Quảng Trị)



| TT | Danh mục | Số hộ (hộ) | Kinh phí (Tr.đ) | Trong đó | | Ghi chú |
|----------|---|------------|-----------------|----------------------|-------------------------|--|
| | | | | Hỗ trợ các hộ (Tr.đ) | Hỗ trợ cộng đồng (Tr.đ) | |
| | | | | Kế hoạch năm 2017 | | |
| | TỔNG SỐ | 122 | 4.911,8 | 2.746,2 | 2.165,6 | |
| 1 | Sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai | 89 | 3.345,6 | 1.780,0 | 2.165,6 | |
| 1 | Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét chiến khu Ba Lòng, huyện Đakrông | 14 | 280,0 | 280,0 | | |
| 2 | Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng ngập lụt và sạt lở bờ sông Thạch Hãn xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị | 25 | 500,0 | 500,0 | | |
| 3 | Điểm bố trí dân cư Dự án di dân TĐC vùng sạt lún, sạt lở đất huyện Cam Lộ (Xã Cam Thành, Cam Hiếu, Cam Nghĩa) | 10 | 600,0 | 200,0 | 400,0 | Kinh phí hỗ trợ cộng đồng: Hỗ trợ XD công trình cấp nước SII xã Cam Thành |
| 4 | Điểm bố trí dân cư xen ghép huyện Hải Lăng (xã Hải Lâm, Hải Thiện, Hải Thọ, Hải Quý) | 10 | 650,0 | 200,0 | 450,0 | Kinh phí hỗ trợ cộng đồng: Nâng cấp nhà Sinh hoạt cộng đồng Hải Lâm để phục vụ cho người dân tái định cư và dân số tại |
| 5 | Điểm bố trí dân cư xen ghép Huyện Gio Linh (xã Gio Mỹ, Gio Thành, Gio Hải) | 10 | 515,6 | 200,0 | 315,6 | |

| TT | Danh mục | Số hộ (hộ) | Kinh phí (Tr.đ) | Trong đó | | Ghi chú |
|-----------|---|------------|-----------------|----------------------|-------------------------|---|
| | | | | Hỗ trợ các hộ (Tr.đ) | Hỗ trợ cộng đồng (Tr.đ) | |
| | | | | | | |
| | - Điểm di dân xen ghép xã Gio Mỹ | 10 | 491.6 | 200,0 | 291.6 | Kinh phí hỗ trợ cộng đồng: Nâng cấp đường di dân xen ghép |
| | - Đường di dân xen ghép xã Gio Thành, huyện Gio Linh | | 24.0 | | 24.0 | Kinh phí hỗ trợ cộng đồng: Thanh toán khối lượng hoàn thành |
| 6 | Điểm bố trí dân cư xen ghép huyện Triệu Phong di dân xen ghép xã Triệu Giang, Triệu Ái | 10 | 200.0 | 200.0 | | |
| | Điểm bố trí dân cư xen ghép huyện Triệu Phong di dân xen ghép xã Triệu Giang, Triệu Ái | 12 | 600.0 | | 600.0 | - Kinh phí hỗ trợ cộng đồng: Xây dựng mới đường di dân xen ghép |
| 7 | Điểm bố trí dân cư xen ghép huyện Vĩnh Linh điểm di dân xen ghép xã Vĩnh Trung | 10 | 600.0 | 200,0 | 400.0 | - Kinh phí hỗ trợ cộng đồng: Nâng cấp đường di dân xen ghép |
| II | Sắp xếp ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Lào, hải đảo | 33 | 966,2 | 966,2 | | |
| 1 | Dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới Việt - Lào xã Ba Tầng, huyện Hướng Hóa | 10 | 300.0 | 300,0 | | |
| 2 | Bố trí sắp xếp ổn định dân cư tại khu KTOP Khe Sanh, Quảng Trị | 16 | 480.0 | 480,0 | | |
| 3 | Bố trí ổn định dân cư Đào Cồn cỏ | 7 | 186.2 | 186,2 | | |